

PHƯƠNG THỨC VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN  
NGÀY 04 THÁNG 09 NĂM 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH PHỤ TẢI VÀ KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN ĐIỆN THUỘC QUYỀN ĐIỀU KHIỂN:

| STT | Dự báo phụ tải  | PC Tây Ninh | Mặt trời áp mái | Nhà máy thủy điện<br>Đầu Tiếng DO1 (1,5 MW) | Nhà máy thủy điện<br>Đầu Tiếng CS2 (1,5 MW) |
|-----|-----------------|-------------|-----------------|---|---|
| 1   | Sản lượng (kWh) | 45.721.919  | 1.619.563       | 2.400                                       | 6.720                                       |
| 2   | Pmax (MW)       | 2304,2      | 521,7           | 0,100                                       | 0,280                                       |
| 3   | Pmin (MW)       | 1518,5      | 0               | 0,000                                       | 0,000                                       |

II. KẾT DÂY CƠ BẢN HỆ THỐNG ĐIỆN:

- Vận hành theo sơ đồ kết dây cơ bản lưới điện 22kV tỉnh Tây Ninh năm 2025 (Quyết định số 1243/QĐ-PCTN ngày 14/8/2025) và sơ đồ lưới điện 110/22kV (cập nhật) tại Phòng Điều độ - Công ty Điện lực Tây Ninh.

III. ĐÁNH GIÁ AN NINH HỆ THỐNG ĐIỆN:

- Các công tác dự kiến thực hiện trong Ngày 04/09/2025, không gây ảnh hưởng làm quá tải các phần tử mang điện liên quan.

IV. KẾ HOẠCH ĐƯA CÔNG TRÌNH MỚI VÀO VẬN HÀNH:

| STT | Thiết bị, đường dây | Thời điểm đóng điện |         |          | Nội dung | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------|---------|----------|----------|---------|
|     |                     | Ngày                | Bắt đầu | Kết thúc |          |         |
| A.  | Lưới điện 110kV:    |                     |         |          |          |         |
|     | Không có            |                     |         |          |          |         |
| B.  | Lưới điện 22kV:     |                     |         |          |          |         |
|     | Không có            |                     |         |          |          |         |

V. KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA VÀ THỬ NGHIỆM HỆ THỐNG ĐIỆN:

| STT | Thời điểm cắt điện/cô lập |       | Thời điểm đóng điện/tái lập |       | Đơn vị QL VH                 | Đơn vị công tác           | Tên thiết bị, đường dây, Trạm biến áp | Địa điểm công tác    | Nội dung công tác  | Lý do bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm  | Imax (A) | Phạm vi ảnh hưởng ngừng cung cấp điện | Biện pháp an toàn | Số KH mất điện | Độ tin cậy (dự kiến) |        |         |        | CS mất (MW) | SL mất (KWH) | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-------|-----------------------------|-------|------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|----------------------|--|--|----------|---------------------------------------|-------------------|----------------|----------------------|--------|---------|--------|-------------|--------------|---------|
|     | Ngày                      | Giờ   | Ngày                        | Giờ   |                              |                           |                                       |                      |  |  |          |                                       |                   |                | Đơn vị               |        | Công ty |        |             |              |         |
|     |                           |       |                             |       |                              |                           |                                       |                      |  |  |          |                                       |                   |                | SAIDI                | SAIFI  | SAIDI   | SAIFI  |             |              |         |
| (1) | (2)                       | (3)   | (4)                         | (5)   | (6)                          | (7)                       | (8)                                   | (9)                  | (10)   | (11)                                   | (12)     | (13)                                  | (14)              | (15)           | (16)                 | (17)   | (18)    | (19)   | (20)        | (21)         | (22)    |
| A.  | LƯỚI ĐIỆN 110KV           |       |                             |       |                              |                           |                                       |                      |  |  |          |                                       |                   |                |                      |        |         |        |             |              |         |
| 1   | 04-09-25                  | 08h00 | 04-09-25                    | 11h00 | XNLĐTN (CS1)<br>XNLĐTN (CS1) | XNLĐTN (Tổ TTLD Tây Ninh) | Trạm 110kV Tây Ninh.                  | Trạm 110kV Tây Ninh. | - Kiểm tra định kỳ thiết bị ngày.<br>- Vệ sinh các tủ trung gian, tủ thiết bị ngoài sân ngất. Các tủ điều khiển, bảo vệ, tủ RTU, tủ Rack hệ thống camera giám sát PCCC, tủ Rack N-1 trong phòng điều hành<br>- Vệ sinh tủ nguồn UPS cấp cho tủ HVGB, accu, đo điện áp và nội trở accu.<br>- Vệ sinh công nghiệp nhà điều hành. | Kiểm tra, vệ sinh công nghiệp định kỳ. | 0        | Không mất điện                        | Không cắt điện    | 0              | 0,0000               | 0,0000 | 0,0000  | 0,0000 | 0,000       | 0            |         |

|   |          |       |          |       |                                      |   |   |  |  |   |                |                |   |        |        |        |        |       |   |
|---|----------|-------|----------|-------|--------------------------------------|---|---|--|--|---|----------------|----------------|---|--------|--------|--------|--------|-------|---|
| 2 | 04-09-25 | 18h00 | 04-09-25 | 19h30 | XNLDTN (CS1)<br>(Tổ TTLD Tây Ninh)   | Trạm 110kV Tây Ninh.  | Trạm 110kV Tây Ninh.  | Kiểm tra định kỳ đêm các thiết bị trạm 110kV.  | Kiểm tra định kỳ đêm các thiết bị trạm 110kV                 | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 3 | 04-09-25 | 18h00 | 04-09-25 | 21h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Tổ TTLD Tân Châu)   | Trạm 110kV Tân Biên   | Trạm 110kV Tân Biên   | - Kiểm tra định kỳ đêm các thiết bị trạm 110kV. Đo nhiệt độ mỗi nối thiết bị toàn trạm.  | Kiểm tra định kỳ đêm các thiết bị trạm 110kV                 | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 4 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 18h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Tổ TTLD Trảng Bàng) | Trạm 110kV Phước Đức  | Trạm 110kV Phước Đức  | - Kiểm tra định kỳ ngay các thiết bị trạm 110kV.<br>- Vệ sinh công nghiệp toàn trạm 110kV.<br>- Vệ sinh dụng cụ và phương tiện PCCC, hệ thống tủ PCCC và Camera giám sát an ninh.<br>- Kiểm tra hệ thống PCCC, điện trở sứ và đèn chiếu sáng các tủ bảng điện phòng điều hành, sân ngát.<br>- Vệ sinh accu, máy nạp, đo điện áp giàn accu 110VDC.<br>- Kiểm tra các vị trí chọn F81, F79 và giá trị cài đặt trong rơ le so với bảng trị số cài đặt của các cấp điều độ ban hành tại Trạm 110kV Trảng Bàng. | - Kiểm tra bảo dưỡng và vệ sinh công nghiệp thiết bị định kỳ | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 5 | 04-09-25 | 19h00 | 04-09-25 | 21h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Tổ TTLD Trảng Bàng) | Trạm 110kV Trảng Bàng   | Trạm 110kV Trảng Bàng   | - Kiểm tra định kỳ đêm các thiết bị trạm 110kV.  | - Kiểm tra định kỳ đêm các thiết bị trạm 110kV.              | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 6 | 04-09-25 | 07h00 | 04-09-25 | 17h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Đội QLVH đường dây) | Đường dây 110kV 174 Tây Ninh 2 - 172 Cầu Máng, đường dây 110kV 171 Tây Ninh 2 - 172 Hòa Thành | Từ TBA 220kV Tây Ninh đến trụ 26, từ TBA 220kV Tây Ninh đến trụ 142 | Kiểm tra kỹ thuật trụ, tất cả các phụ kiện trên trụ, vệ sinh chân móng trụ và chặt cây cao dưới 5m dọc hành lang tuyến   | Kiểm tra định kỳ ngày lưới điện 110kV                        | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 7 | 04-09-25 | 07h00 | 04-09-25 | 17h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Đội QLVH đường dây) | Đường dây 110kV 171 Dầu Tiếng - 172 Tây Ninh 2  | Từ trụ 260 đến trạm 220kV Tây Ninh                                  | Kiểm tra kỹ thuật trụ, tất cả các phụ kiện trên trụ, vệ sinh chân móng trụ và chặt cây cao dưới 5m dọc hành lang tuyến   | Kiểm tra định kỳ ngày lưới điện 110kV                        | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 8 | 04-09-25 | 07h00 | 04-09-25 | 17h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Đội QLVH đường dây) | Đường dây 110kV 173 Bình Long - 173 Tây Ninh 2  | Từ trụ 410 đến trạm 220kV Tây Ninh                                  | Kiểm tra kỹ thuật trụ, tất cả các phụ kiện trên trụ, vệ sinh chân móng trụ và chặt cây cao dưới 5m dọc hành lang tuyến   | Kiểm tra định kỳ ngày lưới điện 110kV                        | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |
| 9 | 04-09-25 | 07h00 | 04-09-25 | 17h00 | XNLDTN (CS1)<br>(Đội QLVH đường dây) | Đường dây 110kV 179 Tây Ninh 2 - 171 Tây Ninh, đường dây 110kV 180 Tây Ninh 2 - 172 Tây Ninh  | Từ trạm 220kV Tây Ninh đến trạm 110kV Tây Ninh                      | Kiểm tra kỹ thuật trụ, tất cả các phụ kiện trên trụ, vệ sinh chân móng trụ và chặt cây cao dưới 5m dọc hành lang tuyến   | Kiểm tra định kỳ ngày lưới điện 110kV                        | 0 | Không mất điện | Không cắt điện | 0 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0 |

| B. LƯỚI ĐIỆN 22KV |          |       |          |       |                         |                         |   |   |   |                       |   |                   |  |     |        |        |        |        |       |       |  |
|-------------------|----------|-------|----------|-------|-------------------------|-------------------------|---|---|---|-----------------------|---|-------------------|--|-----|--------|--------|--------|--------|-------|-------|--|
| 1                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Đường dây 22kV từ trụ 59/22 đến trụ 59/31 Campuchia tuyến 475MB-477MB                 | Từ trụ 59/22 đến trụ 59/31 Campuchia tuyến 475MB-477MB                                  | Lắp đặt biển số trụ từ trụ 59/22 đến trụ 59/31 tuyến 475MB-477MB  | Sửa chữa thường xuyên | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 2                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Nhánh rẽ 22kV từ trụ 59/26B đến trụ 59/26B/4 Chợ Đường biên tuyến 475MB-477MB         | Từ trụ 59/26B đến trụ 59/26B/4 Chợ Đường biên tuyến 475MB-477MB                         | Lắp đặt biển số trụ từ trụ 59/26B đến trụ 59/26B/4 tuyến 475MB-477MB  | Sửa chữa thường xuyên | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 3                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Đường dây 22kV 3 mạch từ trụ 9 đến trụ 19 tuyến 471BC-472BC-474BC                     | Từ trụ 9 đến trụ 19 tuyến 471BC-472BC-474BC   | Lắp đặt biển số trụ từ trụ 9 đến trụ 19 tuyến 471BC-472BC-474BC   | Sửa chữa thường xuyên | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 4                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Nhánh rẽ 22kV từ trụ 45/1 đến trụ 45/73 Giồng Két tuyến 480BC                         | Từ trụ 45/1 đến trụ 45/73 Giồng Két tuyến 480BC   | Lắp đặt biển số trụ từ trụ 45/1 đến trụ 45/73 Giồng Két tuyến 480BC   | Sửa chữa thường xuyên | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 5                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 11h30 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Đường dây 22kV trụ 36 Mộc Bài tuyến 478BC   | Từ trụ 36 Mộc Bài tuyến 478BC   | Sửa chữa cần tháo tác DS trụ 36 tuyến 478BC   | Sửa chữa thường xuyên | 0 | Không mất điện    | Cắt DS trụ 36 Mộc Bài tuyến 478BC                    | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 6                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Đường dây 22kV 2 mạch từ trụ 45/13 đến trụ 45/13 Bến Cầu - Hải Quan tuyến 473MB-471MB | Từ trụ 45/13 đến trụ 45/13 Bến Cầu - Hải Quan tuyến 473MB-471MB                         | Phát quang lưới điện hạ cao áp từ trụ 45/13 đến trụ 45/13 Bến Cầu - Hải Quan tuyến 473MB-471MB  | Phát quang lưới điện  | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 7                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Đường dây 22kV từ trụ 45/14 đến trụ 45/23/3 Hải Quan Mộc Bài tuyến 471MB              | Từ trụ 45/14 đến trụ 45/23/3 Hải Quan Mộc Bài tuyến 471MB                               | Phát quang lưới điện hạ cao áp từ trụ 45/14 đến trụ 45/23/3 Hải Quan Mộc Bài tuyến 471MB  | Phát quang lưới điện  | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 8                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Nhánh rẽ 22kV từ trụ 45/6A đến trụ 45/6A/1 Công ty TNHH Phương Trinh tuyến 475BC      | Từ trụ 45/6A đến trụ 45/6A/1 Công ty TNHH Phương Trinh tuyến 475BC                      | Phát quang từ trụ 45/6A đến trụ 45/6A/1 Công ty TNHH Phương Trinh tuyến 475BC   | Phát quang lưới điện  | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 9                 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Nhánh rẽ 12,7kV từ trụ 45/15B đến trụ 45/15B/1 Chiếu sáng Mộc Bài 2 tuyến 475BC       | Từ trụ 45/15B đến trụ 45/15B/1 Chiếu sáng Mộc Bài 2 tuyến 475BC                         | Phát quang từ trụ 45/15B đến trụ 45/15B/1 Chiếu sáng Mộc Bài 2 tuyến 475BC  | Phát quang lưới điện  | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 10                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Bến Cầu         | Đội QLD Bến Cầu         | Nhánh rẽ 22kV từ trụ 45/18 đến trụ 45/18/1 Thê Ký Vàng tuyến 475BC                    | Từ trụ 45/18 đến trụ 45/18/1 Thê Ký Vàng tuyến 475BC                                    | Phát quang từ trụ 45/18 đến trụ 45/18/1 Thê Ký Vàng tuyến 475BC   | Phát quang lưới điện  | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |
| 11                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Dương Minh Châu | Đội QLD Dương Minh Châu | Trạm 320kVA trụ 433/12 Áp BII-B tuyến 475TD   | Trạm 320kVA trụ 433/12 Áp BII-B tuyến 475TD   | Lắp vật tư, phụ kiện thay HTDD tại trạm 320kVA trụ 433/12 Áp BII-B tuyến 475TD  | Sửa chữa thường xuyên | 6 | Áp B4 xã Lộc Ninh | Cắt 3FCO trạm 320kVA trụ 433/12 Áp BII-B tuyến 475TD | 184 | 1,8159 | 0,0034 | 0,0922 | 0,0002 | 0,206 | 1.854 |  |
| 12                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Dương Minh Châu | Đội QLD Dương Minh Châu | Đường dây 22kV từ trụ 80 Bến Mương 1 tuyến 471TD                                      | Từ trụ 142 đến trụ 150, từ trụ 162/1 đến trụ 162/1/5 Thanh Đức - Trường Mít tuyến 471TD | Phát quang lưới điện, mé nhánh, vệ sinh góc trụ từ trụ 142 đến trụ 150, từ trụ 162/1 đến trụ 162/1/5 Thanh Đức - Trường Mít tuyến 471TD | Phát quang            | 0 | Không mất điện    | Không cắt điện                                       | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |  |

|    |          |       |          |       |                                  |                                  |  |  |   |   |   |                                       |   |     |        |        |        |        |        |        |   |
|----|----------|-------|----------|-------|----------------------------------|----------------------------------|--|--|---|---|---|---------------------------------------|---|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---|
| 13 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Đương<br>Mình<br>Châu | Đội QLD<br>Đương<br>Mình<br>Châu | Nhánh rẽ 22kV từ trụ<br>207/29B Suối Nhánh<br>1 tuyến 471TD  | Từ trụ 207/42/39<br>đến trụ<br>207/42/48 Suối<br>Nhánh 1 tuyến<br>471TD  | Phát quang lưới điện, mé<br>nhánh, vệ sinh gốc trụ từ<br>trụ 207/42/39 đến trụ<br>207/42/48 Suối Nhánh 1<br>tuyến 471TD   | Phát quang  | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 14 | 04-09-25 | 07h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Trạm 250kVA trụ<br>58B/9/3 Suối Cao 9-<br>2 tuyến 471PDC   | Trụ<br>56/1/1t/10/1/4<br>tuyến 471PDC  | Đòi trụ hạ áp<br>56/1/1t/10/1/4 tuyến<br>471PDC   | Chiết tính số 79<br>khách hàng Vi<br>Văn Hiếu                                       | 8 | Khu phố Suối Cao A<br>Phường Gia Lộc  | Cắt CB trạm<br>250kVA trụ 58B/9/3<br>Suối Cao 9-2 tuyến<br>471PDC                       | 131 | 1,0047 | 0,0020 | 0,0001 | 0,0000 | 0,158  | 1.350  |   |
| 15 | 04-09-25 | 07h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Trạm 3x50kVA trụ<br>42/38/8 Phước Đông<br>26 tuyến 471PD   | Trạm 3x50kVA<br>trụ 42/38/8<br>Phước Đông 26<br>tuyến 471PD  | Thay MBA để bảo trì sửa<br>chữa trạm trụ 42/38/8<br>tuyến 471PD và nghiệm<br>thu đóng điện  | Sửa chữa thường<br>xuyên  | 6 | Khu phố Phước Đức<br>B phường Gia Lộc | Cắt 3FCO, tháo 3<br>hotline Trạm<br>3x50kVA trụ 42/38/8<br>Phước Đông 26<br>tuyến 471PD | 65  | 0,4985 | 0,0010 | 0,0001 | 0,0000 | 0,119  | 1.010  |   |
| 16 | 04-09-25 | 07h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Nhánh rẽ 12,7kV trụ<br>270/40B Xóm Đồng<br>tuyến 471TB   | Nhánh rẽ 12,7kV<br>trụ 270/40B<br>Xóm Đồng tuyến<br>471TB  | Thay sứ có dấu hiệu phóng<br>điện trụ 270/40B/5, kết<br>hợp phát quang lưới điện<br>cao áp Từ trụ 270/40B đến<br>trụ 270/40B/12, đòi trụ hạ<br>áp trụ 270/40B/8b tuyến<br>471TB | Sửa chữa thường<br>xuyên<br>Phát quang<br>Chiết tính số 66<br>Nguyễn Thái<br>Nguyễn | 6 | Khu phố Xóm Đồng<br>phường Gò Dầu     | Cắt LBFCO trụ<br>270/40B Xóm Đồng<br>tuyến 471TB  | 177 | 1,3575 | 0,0027 | 0,0001 | 0,0000 | 0,119  | 1.010  |   |
| 17 | 04-09-25 | 07h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Nhánh rẽ 22kV Xóm<br>Đồng tuyến 471TB  | Từ trụ 270/2 đến<br>trụ 270/68<br>Nhánh rẽ 22kV<br>Xóm Đồng tuyến<br>471TB   | Phát quang lưới điện hạ<br>cao áp Từ trụ 270/2 đến<br>trụ 270/68 Nhánh rẽ 22kV<br>Xóm Đồng tuyến 471TB  | Phát quang  | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 18 | 04-09-25 | 07h30 | 04-09-25 | 22h00 | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đường dây và các<br>nhánh rẽ hạ áp khu<br>vực phường Gò Dầu,<br>Gia Lộc, xã Thanh<br>Đức, Phước Thạnh,<br>Truông Mít | Đường dây và các<br>nhánh rẽ hạ<br>áp khu vực<br>phường Gò Dầu,<br>Gia Lộc, xã<br>Thanh Đức,<br>Phước Thạnh,<br>Truông Mít | Kiểm tra đường dây trung<br>hạ áp và trạm biến áp, cân<br>bằng pha hạ áp trạm biến<br>áp công cộng  | Sửa chữa thường<br>xuyên  | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 19 | 04-09-25 | 07h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đội QLD<br>Gò Dầu                | Đường dây và các<br>nhánh rẽ hạ áp khu<br>vực phường Gò Dầu,<br>Gia Lộc, xã Thanh<br>Đức, Phước Thạnh,<br>Truông Mít | Đường dây và các<br>nhánh rẽ hạ<br>áp khu vực<br>phường Gò Dầu,<br>Gia Lộc, xã<br>Thanh Đức,<br>Phước Thạnh,<br>Truông Mít | Mắc dây đặt điện khách<br>hàng, thay công tơ định kỳ,<br>thu hồi điện kế không sử<br>dụng, thay thùng công tơ<br>bể, cân bằng pha hạ áp   | Sửa chữa thường<br>xuyên  | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 20 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Hòa<br>Thành          | Đội QLD<br>Hòa<br>Thành          | Phân đoạn 22kV từ<br>trụ 5 đến trụ 54<br>Nguyễn Văn Linh<br>tuyến 476TN và các<br>nhánh rẽ                           | Từ trụ 5 đến trụ<br>54 Nguyễn Văn<br>Linh tuyến<br>476TN và các<br>nhánh rẽ  | Kiểm tra lưới điện hạ cao<br>áp từ trụ 5 đến trụ 54<br>Nguyễn Văn Linh tuyến<br>476TN và các nhánh rẽ   | Kiểm tra thông<br>kê khiếm khuyết<br>lưới điện                                      | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 21 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Hòa<br>Thành          | Đội QLD<br>Hòa<br>Thành          | Nhánh rẽ 22kV từ trụ<br>54 đến trụ 92<br>Nguyễn Văn Linh<br>tuyến 476TN và các<br>nhánh rẽ                           | Từ trụ 54 đến trụ<br>92 Nguyễn Văn<br>Linh tuyến<br>476TN và các<br>nhánh rẽ   | Kiểm tra lưới điện hạ cao<br>áp từ trụ 54 đến trụ 92<br>Nguyễn Văn Linh tuyến<br>476TN và các nhánh rẽ  | Kiểm tra thông<br>kê khiếm khuyết<br>lưới điện                                      | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 22 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Hòa<br>Thành          | Đội QLD<br>Hòa<br>Thành          | Nhánh rẽ 22kV từ trụ<br>91 đến trụ 120/25/22<br>Nguyễn Văn<br>Linh tuyến<br>476TN và các<br>nhánh rẽ                 | Từ trụ 91 đến trụ<br>120/25/22<br>Nguyễn Văn<br>Linh tuyến<br>476TN và các<br>nhánh rẽ                                     | Kiểm tra lưới điện hạ cao<br>áp từ trụ 91 đến trụ<br>120/25/22 Nguyễn Văn<br>Linh tuyến 476TN và các<br>nhánh rẽ  | Kiểm tra thông<br>kê khiếm khuyết<br>lưới điện                                      | 0 | Không mất điện                        | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |

|    |          |       |          |       |                   |   |   |   |  |  |    |                             |  |     |        |        |        |        |        |        |   |
|----|----------|-------|----------|-------|-------------------|---|---|---|--|--|----|-----------------------------|--|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---|
| 23 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Hòa Thành | Đội QLD Hòa Thành                           | Phân đoạn 22kV từ trụ 67B/1 đến trụ 67B/31, từ trụ 1B đến trụ 17 An Dương Vương tuyến 474TN. Từ trụ 18 đến trụ 97 Trần Phú tuyến 474TN và các nhánh rẽ      | Từ trụ 67B/1 đến trụ 67B/31, từ trụ 1B đến trụ 17 An Dương Vương tuyến 474TN. Từ trụ 18 đến trụ 97 Trần Phú tuyến 474TN và các nhánh rẽ       | Kiểm tra lưới điện hạ cao áp từ trụ 67B/1 đến trụ 67B/31, từ trụ 1B đến trụ 17 An Dương Vương tuyến 474TN. Từ trụ 18 đến trụ 97 Trần Phú tuyến 474TN và các nhánh rẽ         | Kiểm tra thống kê khiếm khuyết lưới điện | 0  | Không mất điện              | Không cắt điện   | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 24 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Hòa Thành | Đội QLD Hòa Thành                           | Nhánh rẽ 22kV từ trụ 13 đến trụ 13B, từ trụ 15B đến trụ 16, từ trụ 28B đến trụ 29, từ trụ 30 đến trụ 30B, từ trụ 34 đến trụ 35 Trịnh Phong Đăng tuyến 474TN | Từ trụ 13 đến trụ 13B, từ trụ 15B đến trụ 16, từ trụ 28B đến trụ 29, từ trụ 30 đến trụ 30B, từ trụ 34 đến trụ 35 Trịnh Phong Đăng tuyến 474TN | Phát quang lưới điện hạ cao áp từ trụ 13 đến trụ 13B, từ trụ 15B đến trụ 16, từ trụ 28B đến trụ 29, từ trụ 30 đến trụ 30B, từ trụ 34 đến trụ 35 Trịnh Phong Đăng tuyến 474TN | Phát quang                               | 0  | Không mất điện              | Không cắt điện   | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0 |
| 25 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 1000kVA trụ 140/77/1 nhánh rẽ 22kV Công ty TNHH Solar Tây Ninh tuyến 471TBI   | Trụ 140/77/1 tuyến 471TBI   | Thay CT, VT định kỳ TBA 1000kVA trụ 140/77/1 nhánh rẽ 22kV Công ty TNHH Solar Tây Ninh tuyến 471TBI  | Thay CT, VT định kỳ                      | 10 | Công ty TNHH Solar Tây Ninh | Cột 3LBFCO TBA 1000kVA trụ 140/77/1 nhánh rẽ 22kV Công ty TNHH Solar Tây Ninh tuyến 471TBI | 1   | 0,0133 | 0,0000 | 0,0005 | 0,0000 | 0,343  | 3.087  |   |
| 26 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 09h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 37,5kVA trụ 21/6/2 Tà Chanh 4 tuyến 478TBI  | Trụ 21/6/2 tuyến 478TBI   | Thay công tơ lệch thời gian TBA 37,5kVA trụ 21/6/2 Tà Chanh 4 tuyến 478TBI   | Thay công tơ lệch thời gian              | 1  | Áp Thạnh Sơn xã Tân Biên    | Cột FCO TBA 37,5kVA trụ 21/6/2 Tà Chanh 4 tuyến 478TBI                                     | 30  | 0,0444 | 0,0007 | 0,0017 | 0,0000 | 0,034  | 34     |   |
| 27 | 04-09-25 | 09h00 | 04-09-25 | 10h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 50kVA trụ 21/6/35 Tà Chanh 2 tuyến 478TBI   | Trụ 21/6/35 tuyến 478TBI  | Thay công tơ lệch thời gian TBA 50kVA trụ 21/6/35 Tà Chanh 2 tuyến 478TBI  | Thay công tơ lệch thời gian              | 1  | Áp Thạnh Sơn xã Tân Biên    | Cột FCO TBA 50kVA trụ 21/6/35 Tà Chanh 2 tuyến 478TBI                                      | 13  | 0,0192 | 0,0003 | 0,0007 | 0,0000 | 0,034  | 34     |   |
| 28 | 04-09-25 | 10h00 | 04-09-25 | 11h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 50kVA trụ 26/16 Thạnh Sơn 6 tuyến 478TBI  | Trụ 26/16 tuyến 478TBI  | Thay công tơ lệch thời gian TBA 50kVA trụ 26/16 Thạnh Sơn 6 tuyến 478TBI   | Thay công tơ lệch thời gian              | 1  | Áp Thạnh Sơn xã Tân Biên    | Cột FCO TBA 50kVA trụ 26/16 Thạnh Sơn 6 tuyến 478TBI                                       | 67  | 0,0991 | 0,0017 | 0,0037 | 0,0001 | 0,034  | 34     |   |
| 29 | 04-09-25 | 11h00 | 04-09-25 | 11h30 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 50kVA trụ 17/30B/5 Thanh An 8 tuyến 476TBI  | Trụ 17/30B/5 tuyến 476TBI   | Thay công tơ lệch thời gian TBA 50kVA trụ 17/30B/5 Thanh An 8 tuyến 476TBI   | Thay công tơ lệch thời gian              | 1  | Áp Thạnh Sơn xã Tân Biên    | Cột FCO TBA 50kVA trụ 17/30B/5 Thanh An 8 tuyến 476TBI                                     | 44  | 0,0325 | 0,0011 | 0,0012 | 0,0000 | 0,034  | 17     |   |
| 30 | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 15h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 15kVA trụ 58B/47 Thạnh Thọ 2A tuyến 472TBI  | Trụ 58B/47 tuyến 472TBI   | Thay công tơ lệch thời gian TBA 15kVA trụ 58B/47 Thạnh Thọ 2A tuyến 472TBI   | Thay công tơ lệch thời gian              | 1  | Áp Thạnh Thọ xã Thạnh Bình  | Cột FCO TBA 15kVA trụ 58B/47 Thạnh Thọ 2A tuyến 472TBI                                     | 3   | 0,0067 | 0,0001 | 0,0003 | 0,0000 | 0,034  | 51     |   |
| 31 | 04-09-25 | 15h00 | 04-09-25 | 16h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên                            | TBA 50kVA trụ 58B/69 Thạnh Thọ 3 tuyến 472TBI   | Trụ 58B/69 tuyến 472TBI   | Thay công tơ lệch thời gian TBA 50kVA trụ 58B/69 Thạnh Thọ 3 tuyến 472TBI  | Thay công tơ lệch thời gian              | 1  | Áp Thạnh Thọ xã Thạnh Bình  | Cột FCO TBA 50kVA trụ 58B/69 Thạnh Thọ 3 tuyến 472TBI                                      | 47  | 0,0695 | 0,0012 | 0,0026 | 0,0000 | 0,034  | 34     |   |
| 32 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Tân Biên  | Đội QLD Tân Biên; Công ty TNHH Lê Quốc Vinh | Nhánh rẽ 22kV từ trụ 92/124/1 đến trụ 92/124/1 Đồng Dài tuyến 476TH   | Từ trụ 92/124/1 đến trụ 92/124/75 tuyến 476TH   | Di dời trụ trung áp từ trụ 92/124/1 đến trụ 92/124/75 tuyến 476TH theo đề nghị Ban quản lý dự án Tây Ninh  | Đầu tư xây dựng                          | 8  | Áp Đồng Dài xã Thạnh Bình   | Cột 3LBFCO trụ 92/124/1 Đồng Dài tuyến 476TH   | 248 | 3,3020 | 0,0061 | 0,1241 | 0,0002 | 0,274  | 2.469  |   |
| 33 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD Tân Châu  | Đội QLD Tân Châu                            | Trạm 50kVA trụ 176/49A Tân Tây 20 tuyến 477TH   | Trụ 176/49A Tân Tây 20 tuyến 477TH  | Bảo trì trạm thay CB tổng trạm trụ 176/49A tuyến 477TH   | Sửa chữa thường xuyên                    | 3  | ấp Tân Tây xã Tân Phú       | Cột FCO và tháo hotline trạm 50kVA trụ 176/49A Tân Tây 20 tuyến 477TH                      | 47  | 0,4539 | 0,0008 | 0,0235 | 0,0000 | 0,103  | 926    |   |

|    |          |       |          |       |                     |                     |  |   |  |                          |   |                                |  |    |        |        |        |        |       |       |
|----|----------|-------|----------|-------|---------------------|---------------------|--|---|--|--------------------------|---|--------------------------------|--|----|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| 34 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Châu | Đội QLD<br>Tân Châu | Trạm 100kVA trụ<br>176/58/2/24 Tân<br>Thành 4 tuyến 477TH  | Trụ 176/58/2/24<br>Tân Thành 4<br>tuyến 477TH   | Lắp hệ thống đo đếm, thay<br>CB tổng phù hợp công<br>suất trạm trụ 176/58/2/24<br>tuyến 477TH  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 8 | Áp Tân Lợi 2 xã Tân<br>Phú     | Cắt FCO và tháo<br>hotline trạm 100kVA<br>trụ 176/58/2/24 Tân<br>Thành 4 tuyến 477TH       | 99 | 0,9562 | 0,0018 | 0,0496 | 0,0001 | 0,274 | 2.469 |
| 35 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Châu | Đội QLD<br>Tân Châu | Trạm 2x25kVA trụ<br>176/20/60 Tân Tây<br>28 tuyến 477TH  | Trụ 176/20/60<br>Tân Tây 28 tuyến<br>477TH  | Lắp hệ thống đo đếm trạm<br>trụ 176/20/60 tuyến 477TH  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 3 | Áp Tân Thạnh xã<br>Tân Phú     | Cắt FCO và tháo<br>hotline trạm<br>2x25kVA trụ<br>176/20/60 Tân Tây<br>28 tuyến 477TH      | 30 | 0,2897 | 0,0005 | 0,0150 | 0,0000 | 0,103 | 926   |
| 36 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Châu | Đội QLD<br>Tân Châu | Trạm 75kVA trụ 241<br>Tân Trung 8 tuyến<br>477TH   | Trụ 241 Tân<br>Trung 8 tuyến<br>477TH   | Lắp hệ thống đo đếm trạm<br>trụ 241 tuyến 477TH  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 6 | Áp Tân Trung B xã<br>Tân Phú   | Cắt FCO và tháo<br>hotline trạm 75kVA<br>trụ 241 Tân Trung 8<br>tuyến 477TH                | 87 | 0,8403 | 0,0016 | 0,0435 | 0,0001 | 0,206 | 1.852 |
| 37 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Châu | Đội QLD<br>Tân Châu | Tụ bù trung áp trụ<br>176/56 tuyến 477TH   | Trụ 176/56 tuyến<br>477TH   | Thay tụ điều khiển tụ bù bị<br>hỏng trụ 176/56 tuyến<br>477TH  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0 | Không mất điện                 | Không cắt điện   | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 38 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Châu | Đội QLD<br>Tân Châu | Trạm 25kVA trụ 186<br>Tân Tây 41 tuyến<br>477TH  | Trụ 186 Tân Tây<br>41 tuyến 477TH   | Lắp hệ thống đo đếm trạm<br>trụ 186 tuyến 477TH  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 6 | ấp Tân Tây xã Tân<br>Phú       | Cắt FCO và tháo<br>hotline trạm 25kVA<br>trụ 186 Tân Tây 41<br>tuyến 477TH                 | 42 | 0,4056 | 0,0008 | 0,0210 | 0,0000 | 0,206 | 1.852 |
| 39 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh | Đội QLD<br>Tân Ninh | Đường dây và các<br>nhánh rẽ hạ áp khu<br>vực phường Tân<br>Ninh, Bình Minh,<br>Ninh Thạnh   | Đường dây và<br>các nhánh rẽ hạ<br>áp khu vực<br>phường Tân<br>Ninh, Bình<br>Minh, Ninh<br>Thạnh  | Mắc dây đặt điện, thay<br>công tơ định kỳ, công tơ<br>không truyền dữ liệu,<br>không chạy, di dời công tơ<br>trong nhà ra trụ, dời trụ hạ<br>áp, kiểm tra điện kế nhanh<br>chậm, gắn modem đọc từ<br>xa; thay thùng công tơ bê,<br>cần pha hạ áp, xử lý kiểm<br>khuyết đường dây và các<br>nhánh rẽ hạ áp khu vực<br>phường Tân Ninh, Bình<br>Minh, Ninh Thạnh | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0 | Không mất điện                 | Không cắt điện   | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 40 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh | Đội QLD<br>Tân Ninh | Đường dây 22kV và<br>các nhánh rẽ tuyến<br>471TN, 472TN,<br>473TN, 474TN,<br>476TN, 478TN,<br>481TN, 475TN,<br>479TN, 477TN trạm<br>110kV Tây Ninh | Từ trụ 6 đến trụ<br>29, từ trụ 80/13<br>đến trụ 80/80B<br>và các nhánh rẽ<br>tuyến 481TN,<br>472TN từ trụ 01<br>đến trụ 23 và các<br>nhánh rẽ tuyến<br>475TN, 477TN,<br>479TN | Phát quang hành lang lưới<br>điện cao hạ áp từ trụ 6 đến<br>trụ 29, từ trụ 80/13 đến trụ<br>80/80B và các nhánh rẽ<br>tuyến 481TN, 472TN từ<br>trụ 01 đến trụ 23 và các<br>nhánh rẽ tuyến 475TN,<br>477TN, 479TN   | Phát quang               | 0 | Không mất điện                 | Không cắt điện   | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 41 | 04-09-25 | 11h00 | 04-09-25 | 12h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh | Đội QLD<br>Tân Ninh | Trạm 3x37.5kVA trụ<br>99/2/13B/1 Trụ sở<br>làm việc Hội luật gia<br>tuyến 481TN  | Tại thùng điện<br>kế trạm<br>3x37.5kVA trụ<br>99/2/13B/1 Trụ<br>sở làm việc Hội<br>luật gia tuyến<br>481TN  | Thay điện kế định kỳ trạm<br>3x37.5kVA trụ 99/2/13B/1<br>Trụ sở làm việc Hội luật<br>gia tuyến 481TN   | Thay định kỳ             | 1 | Trạm chuyên dùng<br>khách hàng | Cắt FCO trạm<br>3x37.5kVA trụ<br>99/2/13B/1 Trụ sở<br>làm việc Hội luật gia<br>tuyến 481TN | 1  | 0,0010 | 0,0000 | 0,0001 | 0,0000 | 0,034 | 34    |
| 42 | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh | Đội QLD<br>Tân Ninh | Trạm 3x37.5kVA trụ<br>70 Hộ KD Nguyễn<br>Duy Thuận tuyến<br>476TN  | Tại thùng điện<br>kế trạm<br>3x37.5kVA trụ<br>70 Hộ KD<br>Nguyễn Duy<br>Thuận tuyến<br>476TN  | Thay điện kế định kỳ trạm<br>3x37.5kVA trụ 70 Hộ KD<br>Nguyễn Duy Thuận tuyến<br>476TN   | Thay định kỳ             | 1 | Trạm chuyên dùng<br>khách hàng | Cắt FCO trạm<br>3x37.5kVA trụ 70<br>Hộ KD Nguyễn Duy<br>Thuận tuyến 476TN                  | 1  | 0,0035 | 0,0000 | 0,0002 | 0,0000 | 0,034 | 120   |

|    |          |       |          |       |                      |                      |   |   |  |                          |    |   |   |     |        |        |        |        |       |       |
|----|----------|-------|----------|-------|----------------------|----------------------|---|---|--|--------------------------|----|---|---|-----|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| 43 | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Trạm 3x37,5kVA trụ<br>15/5B Phạm Thị Vân<br>tuyển 478TN                           | Tại thùng điện<br>kế trạm<br>3x37,5kVA trụ<br>15/5B Phạm Thị<br>Vân tuyển 478TN               | Thay điện kế định kỳ trạm<br>3x37,5kVA trụ 15/5B<br>Phạm Thị Vân tuyển<br>478TN  | Thay định kỳ             | 1  | Trạm chuyên dùng<br>khách hàng                    | Cắt FCO trạm<br>3x37,5kVA trụ<br>15/5B Phạm Thị Vân<br>tuyển 478TN                            | 1   | 0,0035 | 0,0000 | 0,0002 | 0,0000 | 0,034 | 120   |
| 44 | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Trạm 50kVA trụ<br>25/34B/8B ĐT.785 -<br>I tuyển 477TN                             | Tại thùng điện<br>kế trạm 50kVA<br>trụ 25/34B/8B<br>ĐT.785 - I tuyển<br>477TN                 | Thay điện kế để khai thác<br>đo xa trạm 50kVA trụ<br>25/34B/8B ĐT.785 - I<br>tuyển 477TN   | Sửa chữa thường<br>xuyên | 2  | Khu phố Thanh<br>Trung phường Bình<br>Minh        | Cắt FCO trạm<br>50kVA trụ<br>25/34B/8B ĐT.785 -<br>I tuyển 477TN                              | 11  | 0,0381 | 0,0002 | 0,0021 | 0,0000 | 0,069 | 240   |
| 45 | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Trạm 50kVA trụ<br>25/52/18/8 Thanh<br>Lợi - E tuyển 477TN                         | Tại thùng điện<br>kế trạm 50kVA<br>trụ 25/52/18/8<br>Thanh Lợi - E<br>tuyển 477TN             | Thay điện kế để khai thác<br>đo xa trạm 50kVA trụ<br>25/52/18/8 Thanh Lợi - E<br>tuyển 477TN                                       | Sửa chữa thường<br>xuyên | 2  | Khu phố Thanh Lợi<br>phường Bình Minh             | Cắt FCO trạm<br>50kVA trụ<br>25/52/18/8 Thanh<br>Lợi - E tuyển 477TN                          | 35  | 0,1212 | 0,0006 | 0,0068 | 0,0000 | 0,069 | 240   |
| 46 | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Trạm 50kVA trụ<br>23/21 Ninh Bình - A<br>tuyển 479TN                              | Tại thùng điện<br>kế trạm 50kVA<br>trụ 23/21 Ninh<br>Bình - A tuyển<br>479TN                  | Thay điện kế để khai thác<br>đo xa trạm 50kVA trụ<br>23/21 Ninh Bình - A tuyển<br>479TN  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 2  | Khu phố Ninh Bình<br>phường Bình Minh             | Cắt FCO trạm<br>50kVA trụ 23/21<br>Ninh Bình - A tuyển<br>479TN                               | 12  | 0,0416 | 0,0002 | 0,0023 | 0,0000 | 0,069 | 240   |
| 47 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 11h30 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Trạm 250kVA trụ<br>80/26/12/12 Nguyễn<br>Chí Thanh - E tuyển<br>481TN             | Tại thùng điện<br>kế trạm 250kVA<br>trụ 80/26/12/12<br>Nguyễn Chí<br>Thanh - E tuyển<br>481TN | Thay điện kế để khai thác<br>đo xa trạm 250kVA trụ<br>80/26/12/12 Nguyễn Chí<br>Thanh - E tuyển 481TN                              | Sửa chữa thường<br>xuyên | 12 | Khu phố 2 phường<br>Tân Ninh                      | Cắt FCO trạm<br>250kVA trụ<br>80/26/12/12 Nguyễn<br>Chí Thanh - E tuyển<br>481TN              | 200 | 0,6926 | 0,0033 | 0,0390 | 0,0002 | 0,412 | 1.440 |
| 48 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 11h30 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Trạm 250kVA trụ<br>97/12/37/4 Trưng Nữ<br>Vương - W tuyển<br>471TN                | Tại thùng điện<br>kế trạm 250kVA<br>trụ 97/12/37/4<br>Trưng Nữ Vương<br>- W tuyển 471TN       | Thay điện kế để khai thác<br>đo xa trạm 250kVA trụ<br>97/12/37/4 Trưng Nữ<br>Vương - W tuyển 471TN                                 | Sửa chữa thường<br>xuyên | 12 | Khu phố 18 phường<br>Tân Ninh                     | Cắt FCO trạm<br>250kVA trụ<br>97/12/37/4 Trưng Nữ<br>Vương - W tuyển<br>471TN                 | 95  | 0,3290 | 0,0016 | 0,0185 | 0,0001 | 0,412 | 1.440 |
| 49 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Lưới hạ áp trạm<br>250kVA trụ<br>97/12/40/5T Trưng<br>Nữ Vương - D tuyển<br>471TN | Tại trạm 75kVA<br>trụ 97/12/40/5 cũ<br>Trưng Nữ Vương<br>- D tuyển 471TN                      | Tháo gỡ MBA trạm<br>75kVA trụ 97/12/40/5 cũ<br>Trưng Nữ Vương - D<br>tuyển 471TN   | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Không có khách<br>hàng sử dụng                    | -Cắt FCO tháo<br>hotline trạm 75kVA<br>trụ 97/12/40/5 cũ<br>Trưng Nữ Vương - D<br>tuyển 471TN | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 50 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Đội QLD<br>Tân Ninh  | Lưới hạ áp trạm<br>2x37,5kVA trụ 7B<br>Ninh Tân - 6 tuyển<br>479TN                | Tại trạm<br>2x37,5kVA trụ<br>7B Ninh Tân - 6<br>tuyển 479TN                                   | Nâng công suất TBA lên<br>3x37,5kVA trụ 7B Ninh<br>Tân - 6 tuyển 479TN   | Sửa chữa thường<br>xuyên | 2  | Khu phố Ninh Tân,<br>Ninh Phú phường<br>Bình Minh | Cắt FCO tháo hotline<br>trạm 2x37,5kVA trụ<br>7B Ninh Tân - 6<br>tuyển 479TN                  | 59  | 0,5254 | 0,0010 | 0,0296 | 0,0001 | 0,069 | 617   |
| 51 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình | Đội QLD<br>Thái Bình | Đường dây 22kV từ<br>trụ 186/10 đến trụ<br>186/92 tuyển 473SD                     | Từ trụ 186/10<br>đến trụ 186/92<br>tuyển 473SD  | Phát quang lưới điện hạ<br>cao áp từ trụ 186/10 đến<br>trụ 186/92 tuyển 473SD  | Phát quang lưới<br>điện  | 0  | Không mất điện                                    | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 52 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình | Đội QLD<br>Thái Bình | Nhánh rẽ 12,7kV từ<br>trụ 186/53 đến trụ<br>186/53/44 tuyển<br>473SD              | Từ trụ 186/53<br>đến trụ<br>186/53/44 tuyển<br>473SD  | Phát quang lưới điện hạ<br>cao áp từ trụ 186/53 đến<br>trụ 186/53/44 tuyển 473SD   | Phát quang lưới<br>điện  | 0  | Không mất điện                                    | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 53 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình | Đội QLD<br>Thái Bình | Nhánh rẽ 12,7kV từ<br>trụ 186/121B đến trụ<br>186/121B/40 tuyển<br>473SD          | Từ trụ 186/121B<br>đến trụ<br>186/121B/40<br>tuyển 473SD                                      | Phát quang lưới điện hạ<br>cao áp từ trụ 186/121B<br>đến trụ 186/121B/40 tuyển<br>473SD  | Phát quang lưới<br>điện  | 0  | Không mất điện                                    | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 54 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình | Đội QLD<br>Thái Bình | Nhánh rẽ 12,7kV từ<br>trụ 186/162/51 đến<br>trụ 186/51/30 tuyển<br>473SD          | Từ trụ<br>186/162/51 đến<br>trụ 186/51/30<br>tuyển 473SD                                      | Phát quang lưới điện hạ<br>cao áp từ trụ 186/162/51<br>đến trụ 186/51/30 tuyển<br>473SD  | Phát quang lưới<br>điện  | 0  | Không mất điện                                    | Không cắt điện  | 0   | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 55 | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 11h30 | Đội QLD<br>Thái Bình | Đội QLD<br>Thái Bình | Trạm 50kVA trụ<br>80/25B/15 Cây<br>Xiềng 7 tuyển 475SD                            | Trạm 50kVA trụ<br>80/25B/15 Cây<br>Xiềng 7 tuyển<br>475SD                                     | Nâng công suất trạm biến<br>áp từ 50kVA lên 75kVA<br>trạm trụ 80/25B/15 tuyển<br>475SD và đóng điện<br>nghiên thu sau khi hoàn tất | Sửa chữa thường<br>xuyên | 1  | Áp Cây Xiềng xã<br>Châu Thành                     | Cắt 01 LBFCO trụ<br>80/25B/1 tuyển<br>475SD   | 87  | 0,3058 | 0,0015 | 0,0169 | 0,0001 | 0,011 | 40    |

|                   |          |       |          |       |                          |                          |   |   |  |                          |    |   |   |    |        |        |        |        |       |       |
|-------------------|----------|-------|----------|-------|--------------------------|--------------------------|---|---|--|--------------------------|----|---|---|----|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| 56                | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình     | Đội QLD<br>Thái Bình     | Trạm 50kVA trụ<br>141/53/10 Bến Voi<br>Đầu 1 tuyến 476SD  | Trạm 50kVA trụ<br>141/53/10 Bến<br>Voi Đầu 1 tuyến<br>476SD   | Nâng công suất trạm biến<br>áp từ 50kVA lên 2x50kVA<br>trạm trụ 141/53/10 tuyến<br>476SD và đóng điện<br>nghiên thu sau khi hoàn tất | Sửa chữa thường<br>xuyên | 1  | Khu phố Thanh Hòa<br>phường Thanh Điện  | Cắt CB, FCO và tháo<br>hotline trạm 50kVA<br>trụ 141/53/10 Bến<br>Voi Đầu 1 tuyến<br>476SD  | 94 | 0,3304 | 0,0016 | 0,0183 | 0,0001 | 0,011 | 40    |
| 57                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 11h30 | Đội QLD<br>Thái Bình     | Đội QLD<br>Thái Bình     | Trạm 3x50kVA trụ<br>128/98B/1 Chi nhánh<br>Công ty TNHH MTV<br>Đồng Phước Tây<br>Ninh- Nhà Máy nước<br>khoáng Đồng Phước<br>tuyến 477SD | Trạm 3x50kVA<br>trụ 128/98B/1<br>Chi nhánh Công<br>ty TNHH MTV<br>Đồng Phước Tây<br>Ninh- Nhà Máy<br>nước khoáng<br>Đồng Phước<br>tuyến 477SD | Tháo thu hồi hệ thống đo<br>đếm trung áp và lắp mới<br>hệ thống đo đếm hạ áp<br>trạm trụ 128/98B/1 tuyến<br>477SD                    | Sửa chữa thường<br>xuyên | 1  | Khách hàng: Chi<br>nhánh Công ty<br>TNHH MTV Đồng<br>Phước Tây Ninh-<br>Nhà Máy nước<br>khoáng Đồng Phước | Cắt CB, 3FCO và<br>tháo 03 hotline trạm<br>3x50kVA trụ<br>128/98B/1 Chi nhánh<br>Công ty TNHH MTV<br>Đồng Phước Tây<br>Ninh- Nhà Máy nước<br>khoáng Đồng Phước<br>tuyến 477SD | 1  | 0,0035 | 0,0000 | 0,0002 | 0,0000 | 0,034 | 120   |
| 58                | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình     | Đội QLD<br>Thái Bình     | Nhánh rẽ 22kV từ trụ<br>128/98/37B/33 đến<br>trụ 128/98/37B/33/2<br>tuyến 476SD   | Trụ<br>128/98/37B/33<br>tuyến 476SD   | Tháo thu hồi hệ thống đo<br>đếm trung áp trụ<br>128/98/37B/33 tuyến<br>476SD   | Sửa chữa thường<br>xuyên | 1  | Khách hàng: Cơ sở<br>sản xuất Ân Nam  | Cắt 3LBFCO và tháo<br>03 hotline trụ<br>128/98/37B/33 tuyến<br>476SD  | 1  | 0,0035 | 0,0000 | 0,0002 | 0,0000 | 0,034 | 120   |
| 59                | 04-09-25 | 13h30 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Thái Bình     | Đội QLD<br>Thái Bình     | Trạm 560kVA trụ<br>128/98/37B/33/2 Cơ<br>sở sản xuất Ân Nam<br>tuyến 476SD  | Trạm 560kVA<br>trụ<br>128/98/37B/33/2<br>Cơ sở sản xuất<br>Ân Nam tuyến<br>476SD  | Lắp mới hệ thống đo đếm<br>hạ áp trạm trụ<br>128/98/37B/33/2 tuyến<br>476SD  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 1  | Khách hàng: Cơ sở<br>sản xuất Ân Nam  | Cắt CB và 3LBFCO<br>trạm 560kVA trụ<br>128/98/37B/33/2 Cơ<br>sở sản xuất Ân Nam<br>tuyến 476SD  | 1  | 0,0035 | 0,0000 | 0,0002 | 0,0000 | 0,034 | 120   |
| 60                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Nhánh rẽ 22kV từ trụ<br>312/1B/1 đến trụ<br>312/1B/15 tuyến<br>475TB  | Nhánh rẽ 22kV<br>từ trụ 312/1B/1<br>đến trụ<br>312/1B/15 tuyến<br>475TB   | Thay LBFCO trụ<br>312/2/1B/10, phát quang<br>hành lang   | Sửa chữa thường<br>xuyên | 15 | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO trụ<br>312/1B/1 Sóc Lào<br>tuyến 475TB   | 97 | 0,8962 | 0,0017 | 0,0486 | 0,0001 | 0,543 | 4.887 |
| 61                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Trạm 100kVA trụ<br>312/2/1B/10/1 tuyến<br>475TB   | Trạm 100kVA<br>trụ<br>312/2/1B/10/1<br>tuyến 475TB  | Thay HTĐD trạm 100kVA<br>trụ 312/2/1B/10/1 tuyến<br>475TB  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO trạm<br>100kVA trụ<br>312/1B/10/1 tuyến<br>475TB.  | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 62                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Trạm 1000kVA trụ<br>312/1B/10/9 tuyến<br>475TB.   | Trạm 1000kVA<br>trụ 312/1B/10/9<br>tuyến 475TB.   | Thay HTĐD trạm<br>1000kVA trụ 312/1B/10/9<br>tuyến 475TB.  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO và tháo<br>3 hotline trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/9 tuyến<br>475TB.  | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 63                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Trạm 1000kVA trụ<br>312/1B/10/11 tuyến<br>475TB.  | Trạm 1000kVA<br>trụ 312/1B/10/11<br>tuyến 475TB.  | Thay HTĐD trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/11 tuyến<br>475TB.  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO và tháo<br>3 hotline trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/11 tuyến<br>475TB.   | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 64                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Trạm 1000kVA trụ<br>312/1B/10/3T tuyến<br>475TB.  | Trạm 1000kVA<br>trụ 312/1B/10/3T<br>tuyến 475TB.  | Thay HTĐD trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/3T tuyến<br>475TB.  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO và tháo<br>3 hotline trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/3T tuyến<br>475TB.   | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 65                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Trạm 1000kVA trụ<br>312/1B/10/4T tuyến<br>475TB.  | Trạm 1000kVA<br>trụ 312/1B/10/4T<br>tuyến 475TB.  | Thay HTĐD trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/4T tuyến<br>475TB.  | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO và tháo<br>3 hotline trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/4T tuyến<br>475TB.   | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| 66                | 04-09-25 | 08h00 | 04-09-25 | 17h00 | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Đội QLD<br>Trảng<br>Bàng | Trạm 1000kVA trụ<br>312/1B/10/11/3P<br>tuyến 475TB.   | Trạm 1000kVA<br>trụ 312/1B/10/11/3P<br>tuyến 475TB.   | Thay HTĐD trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/11/3P tuyến<br>475TB.   | Sửa chữa thường<br>xuyên | 0  | Áp Sóc Lào xã Hưng<br>Thuận   | Cắt 3LBFCO và tháo<br>3 hotline trạm<br>1000kVA trụ<br>312/1B/10/11/3P<br>tuyến 475TB.  | 0  | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,0000 | 0,000 | 0     |
| <b>C. HOTLINE</b> |          |       |          |       |                          |                          |   |   |  |                          |    |   |   |    |        |        |        |        |       |       |
|                   | Không có |       |          |       |                          |                          |   |   |  |                          |    |   |   |    |        |        |        |        |       |       |

**V. KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA VÀ THỬ NGHIỆM HỆ THỐNG ĐIỆN BỔ SUNG:**

| STT | Thời điểm cắt điện/cô lập |     | Thời điểm đóng điện/tái lập |     | Đơn vị QLVH | Đơn vị công tác | Tên thiết bị, đường dây, Trạm biến áp | Địa điểm công tác | Nội dung công tác | Lý do bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm | Imax (A) | Phạm vi ảnh hưởng ngừng cung cấp điện | Biện pháp an toàn | Số KH mất điện | Dự án cấp (đơn vị) |       |         |       | CS mất (MW) | SL mất (KWH) | Ghi chú |  |  |
|-----|---------------------------|-----|-----------------------------|-----|-------------|-----------------|---------------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------------------|----------|---------------------------------------|-------------------|----------------|--------------------|-------|---------|-------|-------------|--------------|---------|--|--|
|     | Ngày                      | Giờ | Ngày                        | Giờ |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                | Đơn vị             |       | Công ty |       |             |              |         |  |  |
|     |                           |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                | SAIDI              | SAIFI | SAIDI   | SAIFI |             |              |         |  |  |
| (1) | (2)                       | (3) | (4)                         | (5) | (6)         | (7)             | (8)                                   | (9)               | (10)              | (11)                                  | (12)     | (13)                                  | (14)              | (15)           | (16)               | (17)  | (18)    | (19)  | (20)        | (21)         | (22)    |  |  |
| A.  | <b>LƯỚI ĐIỆN 110KV</b>    |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                |                    |       |         |       |             |              |         |  |  |
|     | Không có                  |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                |                    |       |         |       |             |              |         |  |  |
| B.  | <b>LƯỚI ĐIỆN 22KV</b>     |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                |                    |       |         |       |             |              |         |  |  |
|     | Không có                  |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                |                    |       |         |       |             |              |         |  |  |
| C.  | <b>HOTLINE</b>            |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                |                    |       |         |       |             |              |         |  |  |
|     | Không có                  |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                |                    |       |         |       |             |              |         |  |  |

**VI. HỦY KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA VÀ THỬ NGHIỆM HỆ THỐNG ĐIỆN:**

| STT | Thời điểm cắt điện/cô lập |     | Thời điểm đóng điện/tái lập |     | Đơn vị QLVH | Đơn vị công tác | Tên thiết bị, đường dây, Trạm biến áp | Địa điểm công tác | Nội dung công tác | Lý do bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm | Imax (A) | Phạm vi ảnh hưởng ngừng cung cấp điện | Biện pháp an toàn | Lý do hủy kế hoạch | Thời điểm cắt điện/cô lập (Đăng ký lại) |      | Thời điểm đóng điện/tái lập (Đăng ký lại) |      | Ghi chú |      |
|-----|---------------------------|-----|-----------------------------|-----|-------------|-----------------|---------------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------------------|----------|---------------------------------------|-------------------|--------------------|---|------|---|------|---------|------|
|     | Ngày                      | Giờ | Ngày                        | Giờ |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                    | Ngày                                    | Giờ  |   |      |         |      |
|     |                           |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                    |   |      | Ngày                                      | Giờ  |         | Ngày |
| (1) | (2)                       | (3) | (4)                         | (5) | (6)         | (7)             | (8)                                   | (9)               | (10)              | (11)                                  | (12)     | (13)                                  | (14)              | (15)               | (16)                                    | (17) | (18)                                      | (19) | (20)    |      |
|     | Không có                  |     |                             |     |             |                 |                                       |                   |                   |                                       |          |                                       |                   |                    |   |      |   |      |         |      |

**VII. CÁC VẤN ĐỀ LƯU Ý:**

- Ca trực theo dõi tình hình phụ tải để chỉ huy vận hành, điều độ hệ thống điện đảm bảo an toàn, tin cậy, ổn định, chất lượng và kinh tế trong thời gian thực./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Điều độ (để thực hiện);
- Phòng VT-CNTT (để cập nhật trên Website);
- Xi nghiệp LĐCT Tây Ninh (để thực hiện);
- Trung tâm TND Tây Ninh (để phối hợp);
- Các Đội Quản lý điện (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐĐ (PTT).

**PHÒNG ĐIỀU ĐỘ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Hoàng Xuân Tuyên**